

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HN-ST;
Ngày: 09/01/2025;
V/v “Yêu cầu ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Mai Thành Long - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 378/2024/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thái T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A N, ấp L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Đào Hữu P, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2024, tại đơn từ chối tham gia tố tụng và yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 12/11/2024, chị Nguyễn Thị Thái T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đào Hữu P cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã T, tỉnh An Giang vào ngày 25/5/2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc bình thường, đến tháng 8 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui tạo cơ hội hàn gắn tình cảm gia đình. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với anh P nữa, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đào Hữu P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh P có 01 con chung là cháu Đào Khánh A, sinh ngày 02/6/2020 hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu A và tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Đào Hữu P đều vắng mặt không gửi văn bản thể hiện ý kiến xin hàn gắn.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thái T đối với anh Đào Hữu P. Về con chung: Để cháu Đào Khánh A, sinh ngày 02/6/2020 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thái T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Đào Hữu P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thái T và anh Đào Hữu P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh P đã sống hạnh phúc đến tháng 8/2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vì không giải quyết được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng và

tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh P và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Đào Khánh A, sinh ngày 02/6/2020; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh P sống ly thân thì cháu A vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời trong suốt quá trình tố tụng cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T đều yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu A. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu A cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Thái T có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thái T đối với anh Đào Hữu P.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thái T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Khánh A, sinh ngày 02/6/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đào Hữu P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Thị Thái T có nghĩa vụ phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002514 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Thái T, anh Đào Hữu P biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND phường L, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Chí Vũ